

Số: 236.2/2026/TB-ĐGNAP-CNTH

Thanh Hóa, ngày 02 tháng 9 năm 2026.

V/v: Đấu giá quyền sử dụng đất

THÔNG BÁO MỜI THAM GIA ĐẤU GIÁ

Quyền sử dụng đất đối với 82 lô đất ở Mặt bằng khu dân cư Nam Đồng Năn 2 (Số 8363/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 của UBND huyện Triệu Sơn (nay là xã Triệu Sơn), tỉnh Thanh Hóa (Đợt 4).

Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản: Công ty đầu giá hợp danh Nhất An Phú - Chi nhánh Thanh Hóa. Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà VCCI, số 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa.

Người có tài sản đấu giá: UBND xã Triệu Sơn. Địa chỉ: Số 892 Lê Thái Tổ, thôn Bà Triệu, xã Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

1. Tài sản đấu giá, diện tích, giá khởi điểm, tiền mua hồ sơ, tiền đặt trước:

- **Tài sản đấu giá:** Quyền sử dụng đất đối với 82 lô đất ở Mặt bằng khu dân cư Nam Đồng Năn 2 (Số 8363/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 của UBND huyện Triệu Sơn (nay là xã Triệu Sơn), tỉnh Thanh Hóa (Đợt 4).

- **Tổng diện tích đấu giá (82 lô đất): 8.652,50 m².**

- **Tổng giá trị quyền sử dụng đất khởi điểm của các lô đấu giá: 84.597.400.000 đồng**
(Bằng chữ: Tám mươi tư tỷ, năm trăm chín mươi bảy triệu, bốn trăm nghìn đồng).

STT	Tên Lô đất	Diện tích (m2)	Giá khởi điểm (đồng/m2)	Giá khởi điểm (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng/lô)	Tiền mua hồ sơ (đồng/hồ sơ)	Ghi chú
KHU CL-01							
1	CL-01-01	100,00	14.300.000	1.430.000.000	715.000.000	200.000	Khoảng chia dãy
2	CL-01-02	100,00	13.000.000	1.300.000.000	650.000.000	200.000	
3	CL-01-03	100,00	13.000.000	1.300.000.000	650.000.000	200.000	
4	CL-01-04	100,00	13.000.000	1.300.000.000	650.000.000	200.000	
5	CL-01-05	100,00	13.000.000	1.300.000.000	650.000.000	200.000	
6	CL-01-06	100,00	13.000.000	1.300.000.000	650.000.000	200.000	
7	CL-01-07	100,00	13.000.000	1.300.000.000	650.000.000	200.000	
8	CL-01-08	100,00	13.000.000	1.300.000.000	650.000.000	200.000	
9	CL-01-09	100,00	13.000.000	1.300.000.000	650.000.000	200.000	
10	CL-01-10	100,00	13.000.000	1.300.000.000	650.000.000	200.000	
11	CL-01-11	100,00	13.000.000	1.300.000.000	650.000.000	200.000	
12	CL-01-12	100,00	13.000.000	1.300.000.000	650.000.000	200.000	
13	CL-01-13	100,00	13.000.000	1.300.000.000	650.000.000	200.000	

14	CL-01-14	100,00	13.000.000	1.300.000.000	650.000.000	200.000	
15	CL-01-15	100,00	13.000.000	1.300.000.000	650.000.000	200.000	
16	CL-01-16	155,50	15.600.000	2.425.800.000	1.212.900.000	200.000	Đầu ve
17	CL-01-17	155,50	12.000.000	1.866.000.000	933.000.000	200.000	Đầu ve
18	CL-01-18	100,00	8.000.000	800.000.000	400.000.000	100.000	
19	CL-01-19	100,00	8.000.000	800.000.000	400.000.000	100.000	
20	CL-01-20	100,00	8.000.000	800.000.000	400.000.000	100.000	
21	CL-01-21	100,00	8.000.000	800.000.000	400.000.000	100.000	
22	CL-01-22	100,00	8.000.000	800.000.000	400.000.000	100.000	
23	CL-01-23	100,00	8.000.000	800.000.000	400.000.000	100.000	
24	CL-01-24	100,00	8.000.000	800.000.000	400.000.000	100.000	
25	CL-01-25	100,00	8.000.000	800.000.000	400.000.000	100.000	
26	CL-01-26	100,00	8.000.000	800.000.000	400.000.000	100.000	
27	CL-01-27	100,00	8.000.000	800.000.000	400.000.000	100.000	
28	CL-01-28	100,00	8.000.000	800.000.000	400.000.000	100.000	
29	CL-01-29	100,00	8.000.000	800.000.000	400.000.000	100.000	
30	CL-01-30	100,00	8.000.000	800.000.000	400.000.000	100.000	
31	CL-01-31	100,00	8.000.000	800.000.000	400.000.000	100.000	
32	CL-01-32	100,00	8.800.000	880.000.000	440.000.000	100.000	Khoảng chia dãy
KHU CL-04							
33	CL-04-01	135,50	9.600.000	1.300.800.000	650.400.000	200.000	Đầu ve
34	CL-04-02	100,00	8.000.000	800.000.000	400.000.000	100.000	
35	CL-04-03	100,00	8.000.000	800.000.000	400.000.000	100.000	
36	CL-04-04	100,00	8.000.000	800.000.000	400.000.000	100.000	
37	CL-04-05	100,00	8.000.000	800.000.000	400.000.000	100.000	
38	CL-04-06	100,00	8.000.000	800.000.000	400.000.000	100.000	
39	CL-04-07	100,00	8.000.000	800.000.000	400.000.000	100.000	
40	CL-04-08	100,00	8.000.000	800.000.000	400.000.000	100.000	
41	CL-04-09	100,00	8.000.000	800.000.000	400.000.000	100.000	
42	CL-04-10	100,00	8.000.000	800.000.000	400.000.000	100.000	
43	CL-04-11	100,00	8.000.000	800.000.000	400.000.000	100.000	
44	CL-04-12	100,00	8.000.000	800.000.000	400.000.000	100.000	
45	CL-04-13	100,00	8.000.000	800.000.000	400.000.000	100.000	
46	CL-04-14	100,00	8.000.000	800.000.000	400.000.000	100.000	
47	CL-04-15	100,00	8.000.000	800.000.000	400.000.000	100.000	
48	CL-04-16	100,00	8.000.000	800.000.000	400.000.000	100.000	
49	CL-04-17	135,50	9.600.000	1.300.800.000	650.400.000	200.000	Đầu ve
50	CL-04-18	135,50	12.000.000	1.626.000.000	813.000.000	200.000	Đầu ve
51	CL-04-19	100,00	10.000.000	1.000.000.000	500.000.000	200.000	
52	CL-04-20	100,00	10.000.000	1.000.000.000	500.000.000	200.000	
53	CL-04-21	100,00	10.000.000	1.000.000.000	500.000.000	200.000	
54	CL-04-22	100,00	10.000.000	1.000.000.000	500.000.000	200.000	
55	CL-04-23	100,00	10.000.000	1.000.000.000	500.000.000	200.000	

56	CL-04-24	100,00	10.000.000	1.000.000.000	500.000.000	200.000	
57	CL-04-25	100,00	10.000.000	1.000.000.000	500.000.000	200.000	
58	CL-04-26	100,00	10.000.000	1.000.000.000	500.000.000	200.000	
59	CL-04-27	100,00	10.000.000	1.000.000.000	500.000.000	200.000	
60	CL-04-28	100,00	10.000.000	1.000.000.000	500.000.000	200.000	
61	CL-04-29	100,00	10.000.000	1.000.000.000	500.000.000	200.000	
62	CL-04-30	100,00	10.000.000	1.000.000.000	500.000.000	200.000	
63	CL-04-31	100,00	10.000.000	1.000.000.000	500.000.000	200.000	
64	CL-04-32	100,00	10.000.000	1.000.000.000	500.000.000	200.000	
65	CL-04-33	100,00	10.000.000	1.000.000.000	500.000.000	200.000	
66	CL-04-34	135,50	12.000.000	1.626.000.000	813.000.000	200.000	Đầu ve
KHU CL-07							
67	CL-07-01	110,00	10.000.000	1.100.000.000	550.000.000	200.000	
68	CL-07-02	110,00	10.000.000	1.100.000.000	550.000.000	200.000	
69	CL-07-03	110,00	10.000.000	1.100.000.000	550.000.000	200.000	
70	CL-07-04	149,50	12.000.000	1.794.000.000	897.000.000	200.000	Đầu ve
71	CL-07-05	110,00	8.000.000	880.000.000	440.000.000	100.000	
72	CL-07-06	110,00	8.000.000	880.000.000	440.000.000	100.000	
73	CL-07-07	110,00	8.000.000	880.000.000	440.000.000	100.000	
74	CL-07-08	110,00	8.000.000	880.000.000	440.000.000	100.000	
75	CL-07-09	110,00	8.000.000	880.000.000	440.000.000	100.000	
76	CL-07-10	110,00	8.000.000	880.000.000	440.000.000	100.000	
77	CL-07-11	110,00	8.000.000	880.000.000	440.000.000	100.000	
78	CL-07-12	110,00	8.000.000	880.000.000	440.000.000	100.000	
79	CL-07-13	110,00	8.000.000	880.000.000	440.000.000	100.000	
80	CL-07-14	110,00	8.000.000	880.000.000	440.000.000	100.000	
81	CL-07-15	110,00	8.000.000	880.000.000	440.000.000	100.000	
82	CL-07-16	110,00	8.800.000	968.000.000	484.000.000	100.000	Khoảng chia dãy
Tổng 82 lô		8.652,50		84.597.400.000	42.298.700.000		

2. Mục đích, hình thức, thời hạn sử dụng đất:

- Mục đích sử dụng đất: Đất ở nông thôn.
- Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.
- Thời hạn giao đất: Giao lâu dài.

3. Đối tượng và điều kiện được đăng ký tham gia đấu giá:

3.1. Đối tượng được đăng ký tham gia đấu giá:

Cá nhân được giao đất ở (người tham gia đấu giá) thuộc đối tượng được nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất quy định tại Điều 119 Luật Đất đai năm 2024, không thuộc các trường hợp không được đăng ký tham gia đấu giá theo quy định tại khoản 4 Điều 38 Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15 và theo quy định của pháp luật khác có liên quan.

3.2. Điều kiện được đăng ký tham gia đấu giá:

- Người tham gia đấu giá phải thuộc đối tượng được tham gia đấu giá theo quy định đã được nêu tại mục 3.1;
- Có Phiếu đăng ký tham gia đấu giá theo mẫu Công ty phát hành;
- Có hồ sơ tham gia đấu giá hợp lệ theo quy định;
- Nộp đủ tiền đặt trước và tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá tương ứng với số lượng lô đất đăng ký tham gia đấu giá.

4. Hồ sơ tham gia đấu giá gồm có:

- Phiếu đăng ký tham gia đấu giá theo mẫu (*Có đóng dấu treo của Công ty đấu giá hợp danh Nhất An Phú - CN Thanh Hóa hoặc Công ty đấu giá hợp danh Nhất An Phú*);
- Bản sao Căn cước/Căn cước công dân/Hộ chiếu (*còn thời hạn*);
- Bản sao Căn cước/Căn cước công dân/Hộ chiếu của vợ/chồng (*còn thời hạn*);
- Chứng từ xác định việc nộp khoản tiền mua hồ sơ;
- Bản cam kết về tính trung thực của hồ sơ;
- Hợp đồng ủy quyền có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (*nếu có*).

5. Hình thức đấu giá và Phương thức đấu giá:

- Hình thức đấu giá: Đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại phiên đấu giá.
- Phương thức đấu giá: Trả giá lên.
- Cách thức đấu giá: Đấu giá một vòng. Trả giá theo lô đất.

6. Thời gian, địa điểm xem tài sản (*trong giờ hành chính*):

- **Thời gian:** Liên tục trong 03 ngày: Ngày 07/9/2026, ngày 08/9/2026 và ngày 09/9/2026.
- **Địa điểm:** Tại thực địa khu đất đấu giá (*Người tham gia đấu giá liên hệ với UBND xã Triệu Sơn hoặc Công ty đấu giá hợp danh Nhất An Phú - Chi nhánh Thanh Hóa để được hỗ trợ*).

Lưu ý: Người tham gia đấu giá có thể chủ động đi xem tài sản khu đất đấu giá trong khoảng thời gian từ ngày niêm yết việc đấu giá tài sản cho đến trước ngày mở phiên đấu giá.

7. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận/nộp hồ sơ tham gia đấu giá:

- **Thời gian:** Từ 08h00' ngày 03/9/2026 đến 16h30' ngày 16/9/2026.
- **Chốt nộp hồ sơ:** Từ 08h00 phút đến 16h30 phút ngày 16/9/2026.
- **Địa điểm:** Tại Công ty đấu giá hợp danh Nhất An Phú - Chi nhánh Thanh Hóa, Công ty đấu giá hợp danh Nhất An Phú và tại Ủy ban nhân dân xã Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Lưu ý: Công ty đấu giá hợp danh Nhất An Phú sẽ thông báo cho người không đủ điều kiện tham gia đấu giá chậm nhất 01 ngày làm việc trước ngày mở phiên đấu giá. (*Hình thức thông báo: Điện thoại/Zalo đồng thời Niêm yết công khai danh sách người không đủ điều kiện tham gia đấu giá tại trụ sở Công ty đấu giá hợp danh Nhất An Phú - CN Thanh Hóa*).

8. Nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá:

- Thời gian: Từ 08h00' ngày 03/9/2026 đến 17h00' ngày 16/9/2026.
- Người tham gia đấu giá nộp bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản theo thông tin sau:

- + CÔNG TY ĐẦU GIÁ HỢP DANH NHẤT AN PHÚ
- + Số tài khoản: 1421426666
- + Tại: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)
- + Nội dung: “Họ tên người đăng ký tham gia đấu giá (số CC/CCCD)..., nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá QSD đất đối với lô đất số ... (tên lô đất) tại xã Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa”.



Lưu ý: Thời gian nộp tiền đặt trước căn cứ thông tin số dư tài khoản hiển thị trên hệ thống ngân hàng nêu trên của Công ty đầu giá hợp danh Nhất An Phú tính đến 17h00' ngày 16/9/2026.

9. Thời gian, địa điểm tổ chức phiên đấu giá:

- Thời gian: Vào hồi 09 giờ 00 phút ngày 19/9/2026 (Thứ Bảy).
- Địa điểm: Tại Trung tâm hội nghị xã Triệu Sơn. Địa chỉ: Số 1051 Lê Thái Tổ, xã Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

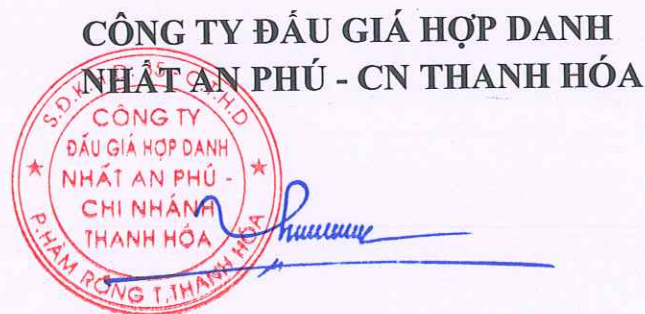
Lưu ý:

- Người tham gia đấu giá khi đến tham dự phiên đấu giá phải xuất trình bản chính CC/CCCD/HC (còn thời hạn) và chứng từ xác định việc đã nộp khoản tiền đặt trước.
- Người tham gia đấu giá cần đến trước thời gian tổ chức phiên đấu giá tối thiểu là 15 phút để làm thủ tục vào phòng đấu giá.
- Tại phiên đấu giá, nếu người tham gia đấu giá vắng mặt hoặc không có mặt đúng thời gian và địa điểm mà không thuộc trường hợp bất khả kháng thì số tiền đặt trước sẽ bị xử lý theo quy định của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15.

Mọi thông tin liên hệ: Trụ sở Công ty đầu giá hợp danh Nhất An Phú - Chi nhánh Thanh Hóa, địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà VCCI, số 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa, số điện thoại: 09.7448.7448 hoặc 092.1991.678.

Nơi nhận:

- UBND xã Triệu Sơn;
- Phòng Kinh tế xã Triệu Sơn;
- Công Đấu giá tài sản quốc gia;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa;
- Các điểm niêm yết;
- Lưu HS, VT./.



GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
Nguyễn Ngọc Linh Chi

